

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 01 - 2023

V/v ly hôn giữa chị T và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phấn;

Ông Vũ Xuân Thuỳ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 15, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 15, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Chị T và anh L đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2010. Trong cuộc sống vợ phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống không hòa hợp, thường xảy ra xung đột. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh Bùi Văn L.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn L có 02 con chung là cháu Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 và cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012, hiện cháu Bùi Phương T và Bùi Quốc D đang ở cùng anh L. Khi ly hôn chị nhận tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là hai cháu Bùi Thị Phương T và cháu Bùi Quốc D và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, anh Bùi Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị T vào ngày 04/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà mẹ đẻ anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do sống không hạnh phúc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Ngoài ra chị T còn chơi bời bạn bè mặc dù đã được anh khuyên can và tha thứ. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh mong muốn chị T quay trở lại đoàn tụ gia đình để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung, anh và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 và cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012, hiện cháu Bùi Phương T và Bùi Quốc D đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh nhận tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là hai cháu Bùi Thị Phương T và cháu Bùi Quốc D và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã XH xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn với anh Bùi Văn L vào ngày 04/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà mẹ đẻ anh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do sống không hạnh phúc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quan điểm

của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 và cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012. Hiện nay cháu T và cháu D đang ở với anh L. Khi ly hôn nguyên vọng của anh L xin được nuôi con chung là cháu Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 và cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đề nghị của các đương sự trên cơ sở quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên, cũng như đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị T và anh L không có tài sản gì chung, còn có nợ cá nhân nào hay không địa phương không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, chị T chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và xin xét xử vắng mặt; anh L không chấp hành và vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Bùi Văn L. Giao con chung Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn 04/01/2010 tại Ủy ban nhân xã XH, huyện

Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do lối sống không hòa hợp, thường xảy ra xung đột. Tòa án đã tổng đạt các văn bản bản tố tụng để báo anh L lên làm việc và tham gia các phiên họp hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh L cũng không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã kéo dài, các bên không còn thiết tha đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Bùi Văn L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn L có 02 con chung Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 và cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012, hiện cháu T và cháu D đang ở cùng anh L, bản thân anh L cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu D và cháu T; chị L cũng có nguyện vọng nuôi cháu D và cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu D cho anh Bùi Văn L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Phương T, sinh ngày 06/7/2010 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 13/6/2012 cho anh Bùi Văn L trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003095 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Phạm Thị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND XH;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung